

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Na Rì, ngày 21 tháng 11 năm 2022*

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG RỪNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CÔNG**  
**TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG QUANG PHONG – ĐỒNG XÁ**  
**HUYỆN NA RÌ**

**I. Giới thiệu chung**

Tuyến đường Quang Phong – Đồng Xá có chiều dài: 13.830,98m có điểm đầu tuyến giao với đường Quốc lộ 3B tại Km103+600m và điểm cuối tuyến thuộc Xã Đồng Xá hiện có đường lát nhựa. Hiện trạng nền đường hiện nay hẹp, độ dốc dọc lớn, bán kính đường cong nằm nhỏ, tầm nhìn bị hạn chế, nền đường trơn lầy vào mùa mưa, bụi khi trời nắng; công trình phòng hộ; an toàn giao thông chưa hoàn chỉnh, chưa kết nối được hai tuyến quốc lộ QL.3B, QL.279, QL.1B và các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã với nhau. Như vậy đường hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu vận tải và đi lại của nhân dân.

Do vậy, Dự án được đầu tư xây dựng hoàn thành sẽ góp phần hoàn thiện mạng lưới đường giao thông theo quy hoạch phát triển giao thông của huyện, là tuyến đường quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng địa phương; Nâng cao hiệu quả khai thác của tuyến đường, đảm bảo an toàn giao thông thông suốt bốn mùa, tuyến đường nâng cấp cải tạo sẽ kết nối từ QL3B - DT256- Xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương và khu vực huyện, Bình Gia tỉnh Lạng Sơn, Chợ Mới và Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và kết nối với tỉnh Lạng Sơn nói chung.

**II. Thông tin chung về Công trình**

**1. Tên công trình**

- Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá.
- Quy mô công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi TCVN 4054:2005; Chiều dài tuyến đường L = 13,84 Km; Chiều rộng nền đường 6,5m; chiều rộng mặt đường 3,5m; chiều rộng lề đường  $2 \times 1,5 = 3,0m$ .
- Xây dựng hạng mục phụ trợ khác trên tuyến.
- \* Các giải pháp thiết kế cơ sở:
  - Chiều dài tuyến đường L = 13,84Km.
  - Mở rộng nền đường đoạn tuyến từ Km0+00 đến Km8+586 theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi và sửa chữa mặt đường tại những vị trí hư hỏng cục bộ: Chiều rộng nền đường  $B_{nền}=6,5m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_{mặt}=3,5m$ ; chiều rộng

lề đường  $B_{lề} = 2 \times 1,5 = 3,0\text{m}$ .

- Mở rộng nền, mặt đường đoạn tuyến từ Km8+586 đến cuối tuyến theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi: Chiều rộng nền đường  $B_{nền} = 6,5\text{m}$ ; chiều rộng mặt đường  $B_{mặt} = 3,5\text{m}$ ; chiều rộng lề đường  $B_{lề} = 2 \times 1,5 = 3,0\text{m}$  (trong đó gia cố lề  $B_{lềc} = 2 \times 1,0 = 2,0\text{m}$  có kết cấu như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường:

+ Mặt đường làm mới và cạp mở rộng: Mặt đường đá dăm dày 12cm, láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup>; móng đường bằng đá dăm dày 24cm.

+ Trên mặt đường cũ hư hỏng nặng: Mặt đường đá dăm dày 12cm, láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup>; bù vênh mặt đường cũ bằng đá dăm.

+ Trên mặt đường cũ hư hỏng nhẹ và đoạn vượt nôi: Láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup>; bù vênh mặt đường cũ bằng đá dăm.

- Độ dốc mái taluy nền đường đào từ 1/0,25 đến 1/0,75, tùy theo địa chất trên tuyến. Độ dốc mái taluy nền đường đắp là 1/1,5.

- Thiết kế hệ thống thoát nước dọc và ngang tuyến trên cơ sở tận dụng tối đa các công trình hiện có.

- Hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT

## 2. Chủ đầu tư

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Na Rì.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Na Rì

- Địa chỉ: Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Điện thoại: 0822. 787.778

## III. Căn cứ pháp lý

### 1. Các căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ nông nghiệp & PTNT Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ nông nghiệp & PTNT Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thông tư quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao kế hoạch thực hiện, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

## **2. Bản đồ**

Bản đồ nền địa chính đất lâm nghiệp VN 2000 xã Quang Phong, Đồng Xá huyện Na Rì.

Bản đồ quy hoạch ba loại rừng huyện Na Rì được duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018.

Bản đồ hiện trạng rừng huyện Na Rì năm 2021.

Bản vẽ trích đo địa chính thu hồi giải phòng mặt bằng khu vực do Chủ đầu tư cung cấp.

## **IV. Các thông tin về khu vực đánh giá hiện trạng rừng phải chuyển đổi mục đích sử dụng**

### **1. Vị trí của công trình**

Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá.

- Tại xã Quang Phong: Tại tiểu khu 212 khoảnh 7, khoảnh 9 và Tiểu khu 223 khoảnh 1 và khoảnh 3.

- Tại xã Dương Sơn: Tại tiểu khu 227 khoảnh 1, khoảnh 4, khoảnh 7, khoảnh 8 và khoảnh 9.

- Tại xã Đồng Xá : Tại tiểu khu 230 khoảnh 1, khoảnh 2, khoảnh 6 và Tiểu khu 233 khoảnh 1.

(Tiểu khu, khoảnh theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

## ***2. Sự cần thiết phải đầu tư công trình***

Với chủ trương phát triển kinh tế xã hội hướng tới các ngành mũi nhọn và thế mạnh tiềm năng của địa phương trong việc phát triển kinh tế xã hội. Huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn là một trong những huyện nghèo của cả nước, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ, kinh tế còn kém phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao (tỷ lệ hộ nghèo là 40,89%; hộ cận nghèo là 15,66%). Trong khu vực chủ yếu là người dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chí, Sán Dìu, Kinh sống tập trung thành làng bản dọc theo các thung lũng, sườn đồi. Kinh tế trong khu vực chậm phát triển, các hoạt động sản xuất chỉ mang tính chất tự cung tự cấp. Đã có sự phát triển giao lưu hàng hoá, các sản phẩm nông lâm nghiệp thông qua các phiên chợ nhưng chỉ mang tính chất nhỏ lẻ. Về tiềm năng phát triển kinh tế trong vùng là rất lớn. Đây là vùng đồi núi cao (so với địa bàn trong tỉnh) chủ yếu là đồi núi đất xen kẽ đá phong hóa mạnh rất phù hợp cho việc phát triển trồng rừng, trồng các cây ăn quả (Cam, quýt, ...), chăn nuôi gia súc (bò, dê, lợn,...) và đặc biệt là trồng dong giềng có chất lượng cao. Nếu được đầu tư phát triển đồng bộ sẽ tạo thêm nhiều công ăn, việc làm cho người dân trong vùng, góp phần xoá đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng. Tuyến đường kết nối QL3B, xã Quang Phong, Dương Sơn, Đồng Xá đã được xây dựng đường lán nhựa những năm 2010-2011 trong qua trình khai thác hiện nay đường nhiều vết nứt, lún, võng mặt đường, nhiều đoạn đường che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến việc lưu thông các phương tiện đến các trung tâm xã. Dự án Nâng cấp cải tạo tuyến đường Quang Phong –Đồng Xá đảm bảo an toàn giao thông, thoát nước công trình, hạn chế sự gia tăng hư hỏng mặt đường, đồng thời tăng cường khả năng khai thác và tuổi thọ công trình. Phục vụ nhu cầu đi lại, giao lưu, buôn bán, trao đổi hàng hóa; góp phần cải thiện điều kiện về cuộc sống và nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo.

Dự án được đầu tư xây dựng hoàn thành sẽ nâng cao hiệu quả khai thác của tuyến đường, đảm bảo an toàn giao thông thông suốt bốn mùa, tuyến đường nâng cấp cải tạo sẽ kết nối từ QL3B - DT256- Xã Thiện Long, huyện Bình Gia . Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương và khu vực huyện, Bình Gia tỉnh Lạng Sơn, Chợ Mới và Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và kết nối với tỉnh Lạng Sơn nói chung.

Mặt khác, về giao thông hiện nay: Hiện trạng nền đường hẹp, độ dốc dọc lớn, bán kính đường cong nằm nhỏ, tầm nhìn bị hạn chế, nền đường trơn lầy vào

mùa mưa, bụi khi trời nắng; công trình phòng hộ; an toàn giao thông chưa hoàn chỉnh, chưa kết nối được hai tuyến quốc lộ QL.3B, QL.279, QL.1B và các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã với nhau. Như vậy đường hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu vận tải và đi lại của nhân dân.

**Phát triển về kinh tế:** Xây dựng cơ sở hạ tầng và nhất là đường giao thông phải đi trước một bước để tạo điều kiện phục vụ cho việc phát triển kinh tế, phát huy những tiềm năng kinh tế của địa phương, tạo điều kiện thực hiện thành công các chương trình, dự án phát triển kinh tế của huyện Na Rì nhất là trong giai đoạn hiện nay cả nước đang chung tay góp sức xây dựng chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Từng bước xoá dần sản xuất theo kiểu tự cung tự cấp, tạo điều kiện cho nhân dân sản xuất hàng hoá, giao lưu với bên ngoài, thực hiện thành công việc xoá đói, giảm nghèo, tiến tới công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Mặt khác đây là tuyến đường theo quy hoạch là các tuyến đường tỉnh, quốc lộ, sẽ tăng cường khả năng giao lưu hàng hoá giữa các địa phương, tạo điều kiện cho nhân dân trong vùng phát triển kinh tế bền vững.

**Phát triển về xã hội:** Việc xây dựng tuyến đường tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ xã hội, từng bước giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị, đi đôi với xoá đói giảm nghèo là từng bước nâng cao dân trí, trình độ của nhân dân khu vực. Có điều kiện điều chỉnh, quy hoạch lại dân cư, tạo điều kiện ổn định và phát triển dân cư cho các xã khu vực tuyến đi qua. Góp phần thực hiện thành công chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**Phát triển về quốc phòng:** Tuyến đường mang ý nghĩa chiến lược trong việc phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trong khu vực.

### ***3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan***

**Công trình:** Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn phân bổ nguồn vốn thực hiện tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 về thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ủy ban nhân dân tỉnh giao vốn thực hiện tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 về giao kế hoạch thực hiện, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về việc Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

#### **4. Hiệu quả kinh tế - xã hội.**

Khi dự án được thực hiện hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ tạo được cơ sở hạ tầng thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho nhân dân tại 03 xã Quang Phong, Dương Sơn, Đồng Xá thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và các vùng lân cận. Góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch liên vùng giữa tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Lạng Sơn và giữa các huyện giáp ranh nói riêng (Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn và huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn). Đồng thời tạo điều kiện quan trọng thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, khai thác được tiềm năng đất đai của huyện Na Rì, nhất là trong lĩnh vực trồng rừng, sản xuất, chế biến lâm sản. Nâng cao chất lượng mạng lưới giao thông trong khu vực, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế - xã hội; Tăng cơ hội tạo việc làm và thu nhập cho các hộ nông dân thông qua việc tăng khả năng thu hút các dự án đầu tư; Cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa; Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu của người dân được nâng lên; Huy động cùng tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng dự án, làm tăng hiệu quả vận hành và bảo dưỡng đường giao thông. Qua đó cải thiện kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống kinh tế văn hóa tại 03 xã, xoá đói giảm nghèo và nâng cao thu nhập cho cộng đồng các dân tộc miền núi và vùng cao trong tỉnh nhằm đạt được sự phát triển kinh tế xã hội bền vững, rút ngắn dần khoảng cách giữa miền xuôi và miền núi, trên cơ sở đảm bảo môi trường sinh thái tự nhiên.

#### **V. Điều tra đánh giá hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng**

##### **1. Đo đếm diện tích**

Căn cứ bản vẽ trích đo địa chính khu vực cần thu hồi đất phục vụ cho công trình, tiến hành điều tra đo đếm diện tích các lô rừng và đất lâm nghiệp cần thu hồi bằng cách đo đạc và tính diện tích lô bằng máy định vị vệ tinh (GPS) đo đạc toàn bộ đường ranh giới bao quanh lô, lưu trữ số liệu trên máy định vị vệ tinh GPS và chuyển vào phần mềm máy tính để tính toán diện tích, kết hợp với bản đồ giấy để mô tả lô rừng.

Căn cứ kết quả điều tra, đo đếm tại thực địa có diện tích rừng và đất lâm nghiệp cần chuyển đổi mục đích sử dụng rừng như sau:

Tổng diện tích đất thu hồi chuyển mục đích là: 6,196 ha. Trong đó:

- Đất có rừng: 1,119 ha.

- Đất trống: 5,779 ha.

(Chi tiết xem biểu 1)

##### **2. Điều tra đánh giá hiện trạng rừng**

- Đánh giá hiện trạng thực hiện dự án:

- + Đất có rừng: Là rừng trồng Mỡ, Keo tai tượng, Tre, Xoan.
- + Đất trồng: Nền đường, lề đường, mương thoát nước cũ; tà tuy và đất trồng khác.

- Kết quả điều tra tại thực địa cho thấy

Tổng diện tích đất thực hiện công trình là: 6,196 ha. Trong đó

- Đất có rừng: 1,119 ha.

- Đất trồng: 5,779 ha.

### 3. Chức năng rừng

Căn cứ bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của xã Quang Phong, Dương Sơn, Đông Xá huyện Na Rì để xác định loại rừng được quy hoạch.

Diện tích đất sử dụng thuộc quy hoạch rừng sản xuất là **3,159 ha**, trong đó: Rừng trồng là 0,989 ha, đất trồng là 2,170 ha. Không có đất rừng đặc dụng, phòng hộ.

### 4. Tổng hợp kết quả hiện trạng rừng

BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG RỪNG

Loại đất, loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Rừng sản xuất			Ngoài QH3 loại rừng				
		Tổng (ha)	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất trồng	Tổng (ha)	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất trồng
Đất có rừng trồng	1,119	0,989		0,989		0,130		0,130	
Đất trồng	5,077	2,170			2,170	2,907			2,907
<b>Cộng</b>	<b>6,196</b>	<b>3,159</b>		<b>0,989</b>	<b>2,170</b>	<b>3,037</b>		<b>0,130</b>	<b>2,907</b>

(Có bản đồ kèm theo)

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án là: **6,196 ha**

Trong đó:

- Đất thuộc quy hoạch là rừng sản xuất: **3,159 ha**

+ Đất có rừng trồng: 0,989 ha.

+ Đất trồng: 2,170 ha.

- Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng: **3,037 ha**

+ Đất có rừng trồng: 0,130 ha.

+ Đất trồng: 2,907 ha.

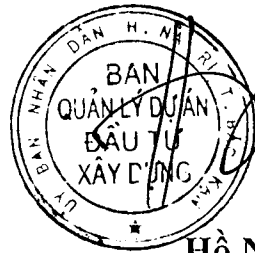
### VII. Kết luận.

Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá được thực hiện hoàn thành sẽ tạo thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho nhân dân tại 03 xã Quang Phong, Dương Sơn, Đồng Xá thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và các vùng lân cận, phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội được phê duyệt.

Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá cần chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 1,119 ha là rừng trồng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất và rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng. Diện tích đất thực hiện Dự án không có rừng tự nhiên.

Trên đây là báo cáo đánh giá rừng chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện xây dựng dự án Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xá. *NS*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**Hồ Ngọc Sơn**



BIỂU 1 THỐNG KÊ CÁC LOẠI ĐẤT, LOẠI RỪNG THEO CHỨC NĂNG

STT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Lô QH 3lr	Tổng diện tích	Rừng sản xuất			Ngoài QH 3 loại rừng			Ghi chú
							Tổng (ha)	Rừng trồng	Đất trống	Tổng (ha)	Rừng trồng	Đất trống	
1	Quang Phong	212	7	1		0,017	0			0,017	0,017	DT1	
2	Quang Phong	212	7	2		0,065	0			0,065	0,065	DT1	
3	Quang Phong	212	7	3		0,019	0			0,019	0,019	DT1	
4	Quang Phong	212	7	4	19	0,008	0,008		0,008	0		DT1	
5	Quang Phong	212	7	5	20:23	0,028	0,028	0,028		0		Mỡ	
6	Quang Phong	212	7	6		0,081	0			0,081	0,081	DT1	
7	Quang Phong	212	7	7		0,084	0			0,084	0,084	DT1	
8	Quang Phong	212	7	8	33:32	0,044	0,044		0,044	0		DT1	
9	Quang Phong	212	7	9	3a;52	0,053	0,053		0,053	0		DT1	
10	Quang Phong	212	9	1	1	0,034	0,034		0,034	0		DT1	
11	Quang Phong	212	9	2	2	0,017	0,017	0,017		0		Keo	
12	Quang Phong	212	9	3	14;17a;17	0,198	0,198		0,198	0		DT1	
13	Quang Phong	212	9	4		0,097	0			0,097	0,097	DT1	
14	Quang Phong	212	9	5	17	0,011	0,011	0,011		0		Tre	
15	Quang Phong	212	9	6	17	0,081	0,081		0,081	0		DT1	
16	Quang Phong	212	9	7		0,197	0			0,197	0,197	DT1	
17	Quang Phong	212	9	8		0,123	0			0,123	0,123	DT1	
18	Quang Phong	212	9	9	60	0,028	0,028		0,028	0		DT1	
19	Quang Phong	223	1	1	1	0,036	0,036	0,036		0		Mỡ	
20	Quang Phong	223	1	2		0,077	0			0,077	0,077	DT1	
21	Quang Phong	223	1	3		0,062	0			0,062	0,062	DT1	
22	Quang Phong	223	1	4		0,028	0			0,028	0,028	Tre+Xoan	
23	Quang Phong	223	1	5	5	0,101	0,101		0,101	0		DT2	
24	Quang Phong	223	1	6	15	0,027	0,027		0,027	0		DT1	
25	Quang Phong	223	1	7	14	0,02	0,02	0,02		0		Mi	
26	Quang Phong	223	1	8		0,101	0			0,101	0,101	DT1	
27	Quang Phong	223	1	9		0,017	0			0,017	0,017	Tre+Xoan	
28	Quang Phong	223	1	10		0,111	0			0,111	0,111	DT1	

29	Quang Phong	223	1	11	28	0,071	0,071	0,071	0,071	0,071	0,034	0			Mi
30	Quang Phong	223	1	12	41:29	0,034	0,034				0,034	0			DT1
31	Quang Phong	223	1	13		0,074	0	0			0,074	0,074			Mi
32	Quang Phong	223	1	14		0,108	0	0			0,108	0,108			DT1
33	Quang Phong	223	1	15	50:42:47	0,057	0,057	0,057			0,057	0			DT1
34	Quang Phong	223	1	16	56:57	0,046	0,046	0,046	0,046			0			Mi
35	Quang Phong	223	1	17	57:59	0,038	0,038				0,038	0			DT1
36	Quang Phong	223	1	18		0,125	0	0			0,125	0,125			DT1
37	Quang Phong	223	1	19		0,009	0	0			0,009	0,009			DT1
38	Quang Phong	223	3	1	13:14	0,008	0,008	0,008			0,008	0			Mi
39	Quang Phong	223	3	2	30	0,032	0,032	0,032	0,032			0			Mi
40	Quang Phong	223	3	3		0,011	0	0			0,011	0,011			Keo
41	Quang Phong	223	3	4		0,037	0	0			0,037	0,037			DT1
42	Quang Phong	223	3	5		0,038	0	0			0,038	0,038			DT1
43	Quang Phong	223	3	6	56:48a:48	0,081	0,081	0,081	0,081			0			Mi
44	Quang Phong	223	3	7	48:48a:49a	0,057	0,057				0,057	0			DT1
45	Quang Phong	223	3	8	49a:83a:49	0,083	0,083				0,083	0			DT1
46	Quang Phong	223	3	9	60	0,045	0,045	0,045	0,045			0			Mi
47	Quang Phong	223	3	10	60	0,015	0,015				0,015	0			DT1
48	Quang Phong	223	3	12	56:60:72a	0,034	0,034	0,034			0,034	0			DT1
49	Quang Phong	223	3	13	71	0,033	0,033	0,033			0,033	0			DT1
50	Quang Phong	223	3	14	72a:72a:84:71:74	0,126	0,126	0,126	0,126			0			Mi
51	Quang Phong	223	3	15	74:78	0,069	0,069				0,069	0			DT1
52	Quang Phong	223	3	16	84	0,015	0,015				0,015	0			DT2
53	Quang Phong	223	3	17	84	0,022	0,022	0,022	0,022			0			Mi
54	Duong Son	227	1	1	2	0,018	0,018	0,018	0,018			0			Mi
55	Duong Son	227	1	2	2	0,025	0,025	0,025			0,025	0			DT1
56	Duong Son	227	1	3		0,015	0	0			0,015	0,015			DT1
57	Duong Son	227	1	4	10	0,06	0,06	0,06	0,06			0			Keo
58	Duong Son	227	1	5		0,008	0	0			0,008	0,008			DT1
59	Duong Son	227	1	6	10a:k	0,028	0,028	0,028	0,028			0			Keo
60	Duong Son	227	1	7		0,007	0	0			0,007	0,007			DT1
61	Duong Son	227	1	8	13	0,054	0,054	0,054			0,054	0			DT1

( 14 )  
 DUA  
 T U  
 INC

62	Duong Son	227	1	9	16	0,038	0,038	0,038	0,038	0		DT1
63	Duong Son	227	1	10		0,043	0			0,043	0,043	DT1
64	Duong Son	227	1	11	28;37	0,072	0,072	0,072	0,072	0		Mở
65	Duong Son	227	1	12	39	0,013	0,013	0,013	0,013	0		DT1
66	Duong Son	227	4	1	6;4a;4	0,056	0,056	0,056	0,056	0		DT1
67	Duong Son	227	4	2	3;3a	0,077	0,077	0,077	0,077	0		DT1
68	Duong Son	227	4	3	3	0,021	0,021	0,021	0,021	0		Mở
69	Duong Son	227	4	4		0,039	0			0,039	0,039	DT1
70	Duong Son	227	4	5	10	0,016	0,016	0,016	0,016	0		DT1
71	Duong Son	227	4	6	26;28;12;20	0,218	0,218	0,218	0,218	0		DT1
72	Duong Son	227	4	7		0,256	0			0,256	0,256	DT1
73	Duong Son	227	4	8		0,149	0			0,149	0,149	DT1
74	Duong Son	227	7	1		0,084	0			0,084	0,084	DT1
75	Duong Son	227	7	2		0,045	0			0,045	0,045	DT1
76	Duong Son	227	7	3	13;55	0,083	0,083	0,083	0,083	0		Mở
77	Duong Son	227	7	4	13	0,061	0,061	0,061	0,061	0		DT1
78	Duong Son	227	7	5	14	0,044	0,044	0,044	0,044	0		Mở
79	Duong Son	227	7	6	15	0,049	0,049	0,049	0,049	0		DT1
80	Duong Son	227	8	1		0,015	0			0,015	0,015	DT1
81	Duong Son	227	9	1		0,073	0			0,073	0,073	DT1
82	Duong Son	227	9	2	17;11	0,151	0,151	0,151	0,151	0		DT1
83	Duong Son	227	9	3		0,007	0			0,007	0,007	DT1
84	Đông Xá	230	1	1	4	0,027	0			0,027	0,027	DT1
85	Đông Xá	230	1	2	4b;4	0,068	0,068	0,068	0,068	0		Mở
86	Đông Xá	230	1	3		0,01	0			0,01	0,01	DT1
87	Đông Xá	230	1	4	11ag	0,026	0,026	0,026	0,026	0		DT1
88	Đông Xá	230	1	6	17aa	0,011	0,011	0,011	0,011	0		Mở
89	Đông Xá	230	1	7		0,04	0			0,04	0,04	DT1
90	Đông Xá	230	1	8		0,119	0			0,119	0,119	DT1
91	Đông Xá	230	1	9	37a;37;26	0,221	0,221	0,221	0,221	0		DT1
92	Đông Xá	230	1	10	42	0,023	0,023	0,023	0,023	0		DT1
93	Đông Xá	230	1	11		0,064	0			0,064	0,064	DT1
94	Đông Xá	230	1	12	53a	0,037	0,037	0,037	0,037	0		DT1

95	Đông Xá	230	1	13	61:56	0,049	0,049	0,049		0				Mở
96	Đông Xá	230	1	14		0,107	0			0,107				DT1
97	Đông Xá	230	1	15		0,112	0			0,112				DT1
98	Đông Xá	230	2	1	19	0,015	0,015		0,015	0				DT1
99	Đông Xá	230	2	2		0,127	0			0,127				DT1
100	Đông Xá	230	2	3		0,108	0			0,108				DT1
101	Đông Xá	230	6	1		0,007	0			0,007				DT1
102	Đông Xá	230	6	2		0,066	0			0,066				DT1
103	Đông Xá	233	1	1	3a:52	0,009	0,009		0,009	0				DT1
104	Đông Xá	233	1	2		0,028	0			0,028				DT1
105	Đông Xá	233	1	3	25:39	0,064	0,064		0,064	0				DT1
<b>Tổng</b>						<b>6,196</b>	<b>3,159</b>	<b>0,989</b>	<b>2,17</b>	<b>3,037</b>	<b>0,13</b>	<b>2,907</b>		

BIỂU 2: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT CÓ RỪNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

STT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Lô QH 3lr	Tổng diện tích	Phân theo nguồn			Phân theo mục đích sử		Ghi chú
							Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	Ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
5	Quang Phong	212	7	5	20;23	0,028	0,028	0	0,028		Mỡ	
11	Quang Phong	212	9	2		0,017	0,017	0	0,017		Keo	
14	Quang Phong	212	9	5	17	0,011	0,011	0	0,011		Tre	
19	Quang Phong	223	1	1	1	0,036	0,036	0	0,036		Mỡ	
22	Quang Phong	223	1	4		0,028	0,028	0	0,028	0,028	Tre+Xoan	
25	Quang Phong	223	1	7	14	0,02	0,02	0	0,02		Mỡ	
27	Quang Phong	223	1	9		0,017	0,017	0	0,017	0,017	Tre+Xoan	
29	Quang Phong	223	1	11	28	0,071	0,071	0	0,071		Mỡ	
31	Quang Phong	223	1	13		0,074	0,074	0	0,074	0,074	Mỡ	
34	Quang Phong	223	1	16	56;57	0,046	0,046	0	0,046		Mỡ	
39	Quang Phong	223	3	2	30	0,032	0,032	0	0,032		Mỡ	
40	Quang Phong	223	3	3		0,011	0,011	0	0,011	0,011	Keo	
43	Quang Phong	223	3	6	56;48a;48	0,081	0,081	0	0,081		Mỡ	
46	Quang Phong	223	3	9		0,045	0,045	0	0,045		Mỡ	
50	Quang Phong	223	3	14	72a;72a;84;71;74	0,126	0,126	0	0,126		Mỡ	
53	Quang Phong	223	3	17	84	0,022	0,022	0	0,022		Mỡ	
54	Dương Sơn	227	1	1	2	0,018	0,018	0	0,018		Mỡ	
57	Dương Sơn	227	1	4	10	0,06	0,06	0	0,06		Keo	
59	Dương Sơn	227	1	6	10ak	0,028	0,028	0	0,028		Keo	
64	Dương Sơn	227	1	11	28;37	0,072	0,072	0	0,072		Mỡ	
68	Dương Sơn	227	4	3	3	0,021	0,021	0	0,021		Mỡ	
76	Dương Sơn	227	7	3	13;55	0,083	0,083	0	0,083		Mỡ	
78	Dương Sơn	227	7	5	14	0,044	0,044	0	0,044		Mỡ	
85	Đồng Xá	230	1	2	4b;4	0,068	0,068	0	0,068		Mỡ	
88	Đồng Xá	230	1	6	17a	0,011	0,011	0	0,011		Mỡ	
95	Đồng Xá	230	1	13	61;56	0,049	0,049	0	0,049		Mỡ	
<b>Tổng</b>						<b>1,119</b>	<b>1,119</b>	<b>0</b>	<b>0,989</b>	<b>0,13</b>		

